



BIÊN BẢN LẤY MẪU/SAMPLING MINUTES

Số biên nhận:

Tp. HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2022

1. Tên khách hàng đề nghị lấy mẫu (Customer's name):

CHÍNH ANH CÔNG TY CP BIA RƯỢU MÙA GIẢI KHÁT SÀI GÒN - NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN - CỬ CHỈ

Người đại diện, chức vụ (Representative):

2. Cán bộ lấy mẫu (Samplers): Hoàng Hải; Tuấn Kiệt

3. Đơn vị giám sát (Inspector):

4. Tên công ty/vị trí được khảo sát lấy mẫu (Sampling site): CHÍNH ANH CÔNG TY CP BIA RƯỢU MÙA GIẢI KHÁT SÀI GÒN - NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN - CỬ CHỈ

Địa chỉ (Address): Lô C1, Đường P3, KCN Tây Bắc Củ Chi, Củ Chi, TP HCM

Điện thoại (Tel.): Fax:

Người đại diện, chức vụ (Representative):

TT (No)	Mã số mẫu (Code B) (.....)	Vị trí lấy mẫu (Sampling point)	Ký hiệu mẫu (Code A)	Số niêm phong (Seal number)	Yêu cầu gắn quy chuẩn/tiêu chuẩn (Associated with regulations/ Standard) ☐ Có/Yes ☐ Không/No
01		KT. ÔTKT của HTX L Bui (Khu vực nhập Malt, gạo) - Ống số 1	KT1		
02		KT. ÔTKT của HTX L Bui (Khu vực nhập Malt, gạo) - Ống số 2	KT2		
03		KT. ÔTKT của HTX L Bui (Khu vực nhập Malt, gạo) - Ống số 3	KT3		

5. Ngày trả kết quả (Result date): 07/06/2022

6. Đơn vị thanh toán chi phí dịch vụ (Unit of payment):

Người đại diện (Representative): Số điện thoại (Tel.):

7. Mở niêm phong tại ETM (Opening seal at ETM): ☐ Có/Yes, Thời gian mở niêm phong (Opening time of seal):

Đơn vị ủy quyền ETM tự mở niêm phong (Authorizing ETM to open seal): ☐ Có/Yes

☐ Không/No

8. Ghi chú khác (Others):

Đơn vị được lấy mẫu
Company of sampling site
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị giám sát
Inspector
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị yêu cầu lấy mẫu
Customer
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị lấy mẫu
Sampler
(Ký tên/Signature, full name)

Mã số: BM.06.01 Lần ban hành: 07 Ngày ban hành: 26/10/2020

CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH

Số biên nhận:

Ngày lấy mẫu: 31/05/2022

TT (No)	Mã số mẫu (Code B) (.....)	Ký hiệu mẫu (Code A)	Chỉ tiêu phân tích - Tổng số lượng chỉ tiêu	Ngày trả kết quả cho khách hàng	Niêm phong: Có
01		KT1	Bụi tổng g/L		☐
02		KT2			☐
03		KT3			☐
					☐
					☐

Ghi chú: Mẫu dịch vụ khẩn/nhanh sẽ được ghi rõ vào cột "Ngày trả kết quả cho khách hàng"

Nhân viên kiểm tra mã hóa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nhân viên giao mẫu
(Ký và ghi rõ họ tên, thời gian giao nhận mẫu)



BIÊN BẢN LẤY MẪU/SAMPLING MINUTES

Số biên nhận:

....., ngày tháng năm 2022

1. Tên khách hàng để nghị lấy mẫu (Customer's name):

Người đại diện, chức vụ (Representative):

2. Cán bộ lấy mẫu (Samplers):

3. Đơn vị giám sát (Inspector):

4. Tên công ty/vị trí được khảo sát lấy mẫu (Sampling site):

Địa chỉ (Address):

Điện thoại (Tel.):

Fax:

Người đại diện, chức vụ (Representative):

TT (No)	Mã số mẫu (Code B) (.....)	Vị trí lấy mẫu (Sampling point)	Ký hiệu mẫu (Code A)	Số niêm phong (Seal number)	Yêu cầu gắn quy chuẩn/tiêu chuẩn (Associated with regulations/ Standard) ☐ Có/Yes ☐ Không/No
04		KT: Ống khói thải lò hơi			
05		Mẫu 1	KT4-1		
06		Mẫu 2	KT4-2		
		Mẫu 3	KT4-3		

5. Ngày trả kết quả (Result date): 08/06/2022

6. Đơn vị thanh toán chi phí dịch vụ (Unit of payment):

Người đại diện (Representative): Số điện thoại (Tel.):

7. Mở niêm phong tại ETM (Opening seal at ETM): ☐ Có/Yes, Thời gian mở niêm phong (Opening time of seal):

Đơn vị ủy quyền ETM tự mở niêm phong (Authorizing ETM to open seal): ☐ Có/Yes ☐ Không/No

8. Ghi chú khác (Others):

Đơn vị được lấy mẫu
Company of sampling site
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị giám sát
Inspector
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị yêu cầu lấy mẫu
Customer
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị lấy mẫu
Sampler
(Ký tên/Signature, full name)

Mã số: BM.06.01 Lần ban hành: 07 Ngày ban hành: 26/10/2020

Nguyễn Hùng
31/5/22

Nguyễn Hùng Hải
Trần 2.1.2.

CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH

Số biên nhận:

Ngày lấy mẫu: 31/05/2022

TT (No)	Mã số mẫu (Code B) (.....)	Ký hiệu mẫu (Code A)	Chỉ tiêu phân tích - Tổng số lượng chỉ tiêu	Ngày trả kết quả cho khách hàng	Niêm phong: Có
04		KT4-1	} Nhiệt độ, CO ₂ , SO ₂ , NO _x , CO, O ₂ , thiếu lượng, bụi, tổng v.		☐
05		KT4-2			☐
06		KT4-3			☐
					☐

Ghi chú: Mẫu dịch vụ khẩn/nhanh sẽ được ghi rõ vào cột "Ngày trả kết quả cho khách hàng"

Nhân viên kiểm tra mã hóa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nhân viên giao mẫu
(Ký và ghi rõ họ tên, thời gian giao nhận mẫu)



BIÊN BẢN LẤY MẪU/SAMPLING MINUTES

Số biên nhận:

....., ngày tháng năm 2022

1. Tên khách hàng đề nghị lấy mẫu (Customer's name):

Người đại diện, chức vụ (Representative):

2. Cán bộ lấy mẫu (Samplers):

3. Đơn vị giám sát (Inspector):

4. Tên công ty/vị trí được khảo sát lấy mẫu (Sampling site):

Địa chỉ (Address):

Điện thoại (Tel.): Fax:

Người đại diện, chức vụ (Representative):

TT (No)	Mã số mẫu (Code B) (.....)	Vị trí lấy mẫu (Sampling point)	Ký hiệu mẫu (Code A)	Số niêm phong (Seal number)	Yêu cầu gắn quy chuẩn/tiêu chuẩn (Associated with regulations/ Standard) ☐ Có/Yes ☐ Không/No
02		Nước thải			
		- Nước thải đầu vào	NT1		
08		- Nước thải sau xử lý	NT2		

5. Ngày trả kết quả (Result date): 08/06/2022

6. Đơn vị thanh toán chi phí dịch vụ (Unit of payment):

Người đại diện (Representative): Số điện thoại (Tel.):

7. Mở niêm phong tại ETM (Opening seal at ETM): ☐ Có/Yes, Thời gian mở niêm phong (Opening time of seal):

Đơn vị ủy quyền ETM tự mở niêm phong (Authorizing ETM to open seal): ☐ Có/Yes ☐ Không/No

8. Ghi chú khác (Others):

Đơn vị được lấy mẫu
Company of sampling site
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị giám sát
Inspector
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị yêu cầu lấy mẫu
Customer
(Ký tên/Signature, full name)

Đơn vị lấy mẫu
Sampler
(Ký tên/Signature, full name)

Mã số: BM.06.01 Lần ban hành: 07 Ngày ban hành: 26/10/2020

CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH

Số biên nhận:

Ngày lấy mẫu: 24/05/2022

TT (No)	Mã số mẫu (Code B) (.....)	Ký hiệu mẫu (Code A)	Chỉ tiêu phân tích - Tổng số lượng chỉ tiêu	Ngày trả kết quả cho khách hàng	Niêm phong: Có
02		NT1	Nhiệt độ, độ màu, pH, COD, BOD ₅ , TSS, N, P, NH ₄ ⁺ , Sunfua, Clo dư, Dầu mỡ khoáng, Coliform		☐
08		NT2	Nhiệt độ, độ màu, pH, COD, BOD ₅ , TSS, N, P, NH ₄ ⁺ , Sunfua, Clo dư, Dầu mỡ khoáng, As, Hg, Cd, Pb, Coliform		☐

Ghi chú: Mẫu dịch vụ khẩn/nhanh sẽ được ghi rõ vào cột "Ngày trả kết quả cho khách hàng"

Nhân viên kiểm tra mã hóa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nhân viên giao mẫu
(Ký và ghi rõ họ tên, thời gian giao nhận mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

MS2205.0629/4-6

Nơi lấy mẫu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU, NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN**
- **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**

Địa chỉ : Lô C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM

Ngày đo đạc và lấy mẫu : 31/05/2022

Cán bộ đo đạc và lấy mẫu : Hoàng Hải – Tuấn Kiệt
- Thành Nguyên

Stt	Vị trí đo đạc		Bụi tổng (mg/Nm ³)	Nhiệt độ (⁰ C)	NO _x (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)	CO ₂ (%)	O ₂ (%)	Thải lượng (m ³ /h)
1	Ổng khói thải lò hơi <i>VN2000: 0580145; 1214541</i>	Mẫu 1	51	92	98	KPH (LOD = 1)	64	10,44	6,72	16520
		Mẫu 2	70	92	98	KPH (LOD = 1)	50	10,56	6,73	18735
		Mẫu 3	66	92	97	KPH (LOD = 1)	60	10,50	6,72	17156
		<i>Trung bình</i>	62	92	98	<i>KPH (LOD = 1)</i>	58	10,50	6,72	17470
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($C_{\max} = C \cdot K_p \cdot K_v$) với $K_p = 0,9$; $K_v = 1$			180	-	765	450	900	-	-	-
Phương pháp đo đạc/phân tích			US EPA Method 5	SOP-HTK07	SOP-HTK6a (TESTO 350, Đức)					US EPA Method 2

Ghi chú:

- C_{max} : nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³).
- C: giá trị nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 theo QCVN 19:2009/BTNMT.
- $K_p = 0,9$: hệ số lưu lượng nguồn thải với lưu lượng $20.000 < P \leq 100.000$ m³/h.
- $K_v = 1$: hệ số vùng, khu vực khu công nghiệp.
- QCVN 19:2009/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ).
- Lò hơi sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO.
- KPH: không phát hiện, LOD: giới hạn phát hiện.

Phụ trách phòng phân tích

Đỗ Lâm Như Ý

Ngày 04 tháng 06 năm 2022

P. Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thủy

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi lấy mẫu/đo đạc/gửi mẫu.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06.KK-KT**
Lần ban hành: **07**
Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 1/1

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

MS2205.0629/1-3

Nơi lấy mẫu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU, NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN**
- **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**

Địa chỉ : Lô C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM

Ngày đo đạc và lấy mẫu : 31/05/2022

Cán bộ đo đạc và lấy mẫu : Hoàng Hải – Tuấn Kiệt
– Thành Nguyên

Stt	Vị trí đo đạc	Bụi tổng (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($C_{max} = C * K_p * K_v$) với $K_p = 0,9$; $K_v = 1$	Phương pháp đo đạc/phân tích
1	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi (khu vực nhập Malt, gạo) – ống số 1 VN2000: 0580106; 1214536	24	180	US EPA Method 5
2	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi (khu vực nhập Malt, gạo) – ống số 2 VN2000: 0580096; 1214540	18		
3	Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi (khu vực nhập Malt, gạo) – ống số 3 VN2000: 0580205; 1214533	30		

Ghi chú:

- C_{max} : nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³).
- C: giá trị nồng độ của bụi và các chất vô cơ quy định tại mục 2.2 theo QCVN 19:2009/BTNMT.
- $K_p = 0,9$: hệ số lưu lượng nguồn thải với lưu lượng $20.000 < P \leq 100.000$ m³/h.
- $K_v = 1$: hệ số vùng, khu vực khu công nghiệp.
- QCVN 19:2009/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ).

Phụ trách phòng phân tích

Đỗ Lâm Như Ý

Ngày 04 tháng 06 năm 2022

P. Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thủy

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi lấy mẫu/đo đạc/gửi mẫu.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06.KK-KT**
Lần ban hành: **07**
Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 1/1



Trung Tâm Công Nghệ & Quản Lý Môi Trường

Lô T2-6, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Quận 9, Tp. HCM - Tel: (84.28) 3733 2121 - Fax: (84.28) 3733 2126 - www.etmcenter.com.vn



VIMCERTS
052

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

MS 2205.0629/8

Đơn vị yêu cầu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU,
NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN**
Nơi lấy mẫu : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**
Địa chỉ : Khu C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM
Kí hiệu mẫu : Nước thải sau xử lý
Tọa độ: 0580641; 1214661

Ngày lấy mẫu : 31/05/2022
Cán bộ lấy mẫu : Hoàng Hải – Tuấn Kiệt
Thời điểm lấy mẫu : 10h30

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2205.0629/8	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Phương pháp đo đặc/ phân tích
1	Nhiệt độ	°C	30,5	40	SMEWW 2550 B (2017)
2	pH, ở 25°C	-	8,48	6 - 9	TCVN 6492 :2011 (ISO 10523:2008)
3	Độ màu thực, ở pH = 7	Pt-Co	22	50	SMEWW 2120 C (2017)
4	TSS	mg/L	9	45	TCVN 6625:2000
5	COD	mgO ₂ /L	23	67,5	SMEWW 5220 C (2017)
6	BOD ₅	mgO ₂ /L	7	27	SMEWW 5210 B (2017)
7	N-NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD = 0,5)	4,5	SMEWW 4500-NH ₃ B&C (2017)
8	Tổng Nitơ	mg/L	6,7	18	TCVN 6638:2000 (ISO 10048:1991)
9	Tổng Phospho	mg/L	0,42	3,6	SMEWW 4500-P.B&D (2017)



- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06-N+R**
Lần ban hành: 07
Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 1/2

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2205.0629/8	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Phương pháp đo đặc/ phân tích
10	Sunfua	mg/L	KPH (LOD = 0,02)	0,18	SMEWW 4500 S ² -B&D (2017)
11	Clo dư	mg/L	0,06	0,9	TCVN 6225-2:2012
12	Dầu khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1)	4,5	SMEWW 5520 B&F (2017)
13	As	mg/L	KPH (LOD = 0,003)	0,045	SMEWW 3114 C (2017)
14	Hg	mg/L	KPH (LOD = 0,001)	0,0045	SMEWW 3112 B (2017)
15	Cd	mg/L	KPH (LOD = 0,009)	0,045	SMEWW 3120 B (2017)
16	Pb	mg/L	KPH (LOD = 0,0013)	0,09	SMEWW 3120 B (2017)
17	Coliform	MPN/100mL	KPH (LOD = 3)	3000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Phương pháp Lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995 và TCVN 6663-3:2016.

KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử,

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp,

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt,

Trong đó:

C_{max} : Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải, (mg/L),

C: Là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 mục 2,2,

$K_q = 0,9$: Là hệ số Lưu Lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận nước thải có $Q \leq 50 \text{ m}^3/\text{s}$,

$K_f = 1,0$: Là hệ số theo Lưu Lượng nguồn thải có $500 < F \leq 5000 \text{ m}^3/24\text{h}$,

Áp dụng giá trị tối đa cho phép $C_{max} = C$ (không áp dụng hệ số K_q và K_f đối với các thông số: pH, độ màu, CoLiform).

Phụ trách phòng phân tích

Đỗ Lâm Như Ý

Ngày 07 tháng 06 năm 2022

Giám đốc



Huỳnh Ngọc Phương Mai

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.

- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06-N+R**

Lần ban hành: 07

Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 2/2



Trung Tâm Công Nghệ & Quản Lý Môi Trường

Lô T2-6, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM - Tel: (84.28) 3733 2121 - Fax: (84.28) 3733 2126 - www.etmcenter.com.vn



VIMCERTS
052

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

MS 2205.0629/7

Đơn vị yêu cầu : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU,
NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN**
Nơi lấy mẫu : **NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN – CỬ CHI**
Địa chỉ : Khu C1, đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. HCM
Kí hiệu mẫu : Nước thải trước xử lý
Tọa độ: 0580634; 1214839

Ngày lấy mẫu : 31/05/2022
Cán bộ lấy mẫu : Hoàng Hải – Tuấn Kiệt
Thời điểm lấy mẫu : 10h00

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2205.0629/7	Phương pháp đo đạc/ phân tích
1	Nhiệt độ	°C	31,3	SMEWW 2550 B (2017)
2	pH, ở 25°C	-	9,17	TCVN 6492 :2011 (ISO 10523:2008)
3	Độ màu thực, ở pH = 7	Pt-Co	199	SMEWW 2120 C (2017)
4	TSS	mg/L	850	TCVN 6625:2000
5	COD	mgO ₂ /L	2635	SMEWW 5220 C (2017)
6	BOD ₅	mgO ₂ /L	810	SMEWW 5210 B (2017)
7	N-NH ₄ ⁺	mg/L	7,3	SMEWW 4500-NH ₃ B&C (2017)
8	Tổng Nitơ	mg/L	74,7	TCVN 6638:2000 (ISO 10048:1991)
9	Tổng Phospho	mg/L	29,7	SMEWW 4500-P.B&D (2017)

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.

- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06-N+R**

Lần ban hành: 07

Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 1/2



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2205.0629/7	Phương pháp đo đạc/ phân tích
10	Sunfua	mg/L	0,10	SMEWW 4500 S ² -B&D (2017)
11	Clo dư	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	TCVN 6225-2:2012
12	Dầu khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1)	SMEWW 5520 B&F (2017)
13	Coliform	MPN/100mL	93×10^3	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú:

Phương pháp Lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995 và TCVN 6663-3:2016.

KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.

Phụ trách phòng phân tích



Đỗ Lâm Như Ý

Ngày 07 tháng 06 năm 2022

Giám đốc



Huỳnh Ngọc Phương Mai



- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao toàn bộ hoặc một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung Tâm ETM.

Mã số: **BM.07.06-N+R**

Lần ban hành: 07

Ngày ban hành: 26/10/2020

Trang: 2/2